TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HSST
Ngày: 04/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hưng Quang, Giáo viên hưu trí
2. Bà Trần Thị Ngọc Linh, Bí thư đảng ủy xã Phước Thể

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T
- ***Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa***: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 126/2018/HSST ngày 19/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-HS ngày 19/12/2018, đối với các bị cáo:

1. Phan Thanh N (tên gọi khác: Đen cá trê)**,** sinh năm 1994; tại: tỉnh B. Nơi cư trú: khu phố 14, thị trấn L, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phan Thanh T và bà Phan Thị Đ; vợ, con: chưa có; có 01 tiền án: ngày 17/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, tuyên phạt 30 tháng tù giam, về tội "Trộm cắp tài sản". chấp hành xong án phạt tù Đến ngày 17/12/2016, chưa được xóa án tích, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam trong 01 vụ án khác và có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Tiến Đ, sinh năm 1996; tại: tỉnh B. Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt nam; con ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/10/2018 và có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn L, (tên gọi khác: Cu trời)**,** sinh ngày 23/11/2001; tại: tỉnh B. Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thu L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; trú tại: khu phố 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh B (có mặt).

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo L: Ông Nguyễn Thanh Nhiên, Luật sư - cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

Khoảng tháng 7/2018 Đ gặp N tại quán cà phê Đồi Gió thuộc khu phố 1, thị trấn L, huyện T, Đ nói N đi trộm xe máy giá khoản 01 triệu đồng về bán cho Đ thì N đồng ý. Cho đến sáng ngày 12/8/2018 N đến nhà Đ nói Đ có tiền đưa trước cho N rồi N trộm xe máy đưa cho Đ sau. Đ nói không có tiền nhưng đổi lại là một gói ma túy giá 01 triệu đồng, N đồng ý lấy 01 gói ma túy của Đ để sử dụng. Đến khoảng 20 giờ ngày 12/8/2018 N lấy 01 cây đoản dùng để bẻ khóa xe máy rủ L đi tìm xe máy trộm cắp về để bán cho Đ thì L đồng ý đi. N điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 86K1-4638 chở L đi lòng vòng tại thị trấn L để trộm cắp tài sản. Khi N chạy đến đường 17/4 thuộc khu phố 10, thị trấn L, thì nhìn thấy 01 chiếc xe Wave alpha màu xanh biển số 86B1-180.40 của Nguyễn Thị L dựng trên lề đường không có ai trông coi, nên N và L lén lút ý định trộm cắp xe mô tô của Loan. N chạy xe đến dừng cách vị trí xe mô tô biển số 86B1-180.40 khoảng 30m. L ngồi trên xe 86K1-4638 để cảnh giới, N đi tới xe mô tô 86B1-180.40 dùng 01 cây đoản bẻ khóa xe nổ máy chạy đến nhà Đ. L chạy xe 86K1-4638 theo sau. Khi gần đến nhà Đ, N giao xe mô tô 86B1-180.40 vừa trộm cắp được cho L để L giao cho Đ. L chạy xe trộm cắp đến nhà Đ, L nói với Đ là xe mô tô N vừa trộm cắp được, N nhờ L đưa cho Đ, sau đó L đi về. Đến sáng ngày 13/8/2018 Đ cùng L và N tháo xe mô tô 86B1-180.40 để tránh bị phát hiện. Khoảng 11 giờ Công an thị trấn L mời Đ làm việc, thì Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp xe mô tô 86B1-180.40 trộm cắp được cho Công an thị trấn L

Theo bản kết luận định giá tài sản số 97/KL-HDĐG ngày 06.9.2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện T. Kết luận: chiếc xe mô tô biển số 86B1-180.40 hiệu Honda, loại Wave alpha có giá trị là: 13.700.000/ chiếc x 65% = 8.905.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 125/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 19/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã truy tố các bị cáo Phan Thanh N, Trần Tiến Đ và Trần Văn L, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Thanh N, Trần Tiến Đ và Trần Văn L, phạm tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017)

- Đối với bị cáo Phan Thanh N, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017), để xử phạt bị cáo mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Đối với bị cáo Trần Tiến Đ, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017), để xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Đối với bị cáo Trần Văn L, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; chương XII về xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017), để xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về xử lý tang vật chứng của vụ án**:** áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cay đoản bằng kim loại tạm giữ của bị cáo.

Tại phiên tòa ông Luật sư bào chữa theo luật định cho bi cáo Trần Văn L, trình bày bản luận cứ: Tại tòa tôi thống nhất với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo L có gia cảnh khó khăn phải bỏ học sớm đi làm phụ hồ kiếm sống, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình; bị cáo còn ở tuổi vị thành niên, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, không làm chủ được bản thân nên bị bạn bè rủ rê lôi kéo vào con đường phạm tội. Bị cáoL có nhân thân tốt, lần đâu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự, được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho bị cáo Trần Văn L theo mức án của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Phan Thanh N không nói lời sau cùng.

- Bị cáo Trần Tiến Đ: bị cáo đã nông nổi nhất thời phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét, xử cho bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, để bị cáo tự cải tạo bản thân mình trở thành người tốt. Bị cáo hứa sẽ không tái phạm nữa.

- Bị cáo Trần Văn L không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó có cơ sở khẳng định các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ và hành vi của các bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng pháp luật, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: vào ngày 12/8/2018 các bị cáo Phan Thanh N, Trần Tiến Đ và Trần Văn L đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 86B1-180.40 hiệu Honda, loại Wave alpha có giá trị

8.905.000đồng của chị Nguyễn Thị L. Vì vậy, bản cáo trạng số 125/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 19/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã truy tố cá bị cáo Phan Thanh N, Trần Tiến Đ và Trần Văn L, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017) như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Các bị cáo là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thừa biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu sài mà không do sức lao động của mình làm ra, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ tài sản, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị L. Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. nên cần phải xử các bị cáo một mức án nghiêm khắc, để bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật hình sự Việt Nam.

Vụ án có tính đồng phạm giản đơn, bị cáo Phan Thanh N phạm tội với vai trò thực hiện chính; bị cáo Trần Tiến Đ phạm tội với vai trò xúi giục và bị cáo Trần Văn L, phạm tội với vai trò giúp sức, những vai trò này cò tính bổ trợ với nhau, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung cho hậu quả xảy ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Phan Thanh N đã có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý, thuộc trường hợp "tái phạm" và "xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017). Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 30/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 01 năm tù về tội " Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là 02 năm 06 tháng tù, tại bản án số: 122/2018/HSST.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).

Bị cáo Trần Tiến Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).

Hội đồng xét xử xét thấy, cần cách ly các bị cáo N và Đ ra khỏi xã hội một thời gian, để có đủ thời gian, cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe những phần tử khác có ý đồ phạm tội tương tự.

Đối với Trần Văn L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).; khi phạm tội bị cáo ở tuổi vị thành niên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, nên áp dụng những quy định tại chương XII về xử lý

người dưới 18 tuổi phạm tội, theo Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra đời sống xã hội, mà cho bị cáo tự cải tạo bản thân dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội.

[5] Về các tang vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 86B1-180.40 Cơ quan điều tra giao trả lại cho chị Nguyễn Thị L (người bị hại là chủ sở hữu tài sản), chi Loan không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 cây đoản bằng kim loại thu giữ của Phan Thanh N, đây là công cụ dùng trong việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của pháp luật.

[7] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa và đề nghị của ông luật sư bào chữa cho bị cáo L tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 50, Điều 58, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Phan Thanh N**,** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**

Xử phạt: bị cáo Phan Thanh N 01 năm tù, tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại bản án số: 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là **03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù,** thời gian tù tính từ ngày 25/8/2018.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58; khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Trần Tiến Đ**,** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**

Xử phạt: bị cáo Trần Tiến Đ **09 (Chín) tháng tù**, thời gian tù tính từ ngày bị bắt (07/10/2018)

3. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; , Điều 58; Điều 91; Điều 101; khoản 1 Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn L**,** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**

Xử phạt: bị cáo Trần Văn L **06 (Sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án (04/01/2019).

Giao bị cáo cho Chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo (UBND thị trấn L) và gia đình bị cáo giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

4. Phần xử lý tang vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử: tịch thu tiêu hủy 01 cây đoản bằng kim loại (Vật chứng được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện T, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 20/11/2018).

5. Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và người bị hại, báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/01/2018).

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Trần Văn L)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS (tỉnh + huyện);
- Công an huyện
- Chi cục THA huyện;
- UBND TT Liên Hương
- Bị cáo, bị hại
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch